

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**KHOA LUẬT**

**BÙI MẠNH C- ỜNG**

**GẮN CÔNG TỐ VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA  
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ THEO TÍNH  
THÀNH NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN  
THỨ X - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ  
THỰC TIỄN**

*Chuyên ngành* : Luật hình sự

*Mã số* : 60 38 40

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2012**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học:* TS. Phạm Mạnh Hùng

*Phản biện 1:*

*Phản biện 2:*

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TỐ VÀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA</b>	5		
1.1. Khái niệm về điều tra và công tố	5		
1.1.1. Khái niệm về điều tra	5		
1.1.2. Khái niệm về công tố	10		
1.2. Lược sử mối quan hệ giữa công tố và điều tra ở Việt Nam trước khi có Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	17		
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước năm 1960	17		
1.2.2. Giai đoạn từ năm 1960 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988	21		
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	24		
1.3. Mối quan hệ giữa công tố và hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật một số nước trên thế giới	27		
1.3.1. Một số nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa	27		
1.3.2. Một số nước theo hệ thống pháp luật Anglo - Xắcxông	31		
1.3.3. Một số nước châu Á	34		
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TỐ VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY (SỐ LIỆU 5 NĂM: TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010)</b>	40		
2.1. Mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra theo quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành	40		
2.2. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự và nguyên nhân của những kết quả đạt được	51		
2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự	51		
		2.2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được	58
		2.3. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc	62
		2.3.1. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự	62
		2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc	68
		<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN CƠ CHẾ CÔNG TỐ GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA</b>	77
		3.1. Quán triệt các quan điểm của đảng về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra	77
		3.2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, Kiểm sát viên về chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra, về trách nhiệm công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra	80
		3.3. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp trong việc thực hiện chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra	83
		3.4. Nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên	90
		3.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các đơn vị làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố; đổi mới cơ chế tiền lương, chính sách đối với cán bộ, Kiểm sát viên	95
		3.6. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa Viện kiểm sát và cơ quan điều tra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; tăng cường quan hệ phối hợp giữa các đơn vị thực hành quyền công tố với các đơn vị thực hiện các khâu công tác khác trong ngành	99
		3.7. Nâng cao chất lượng hoạt động tương trợ tư pháp hình sự; tăng cường quan hệ với với các nước có nền công tố mạnh để trao đổi, nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm thực hành quyền công tố	102
		3.8. Những giải pháp cụ thể trong hoạt động nghiệp vụ	103
		3.9. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 để cụ thể hóa chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra	110
		3.9.1. Tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm	110
		3.9.2. Tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc khởi tố vụ án	112
		3.9.4. Một số kiến nghị khác	114

<b>KẾT LUẬN</b>	117
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	119

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian qua, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của Cơ quan điều tra (CQĐT) và Viện kiểm sát (VKS) đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, chất lượng điều tra, truy tố tội phạm đã có những chuyển biến rõ rệt và tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn để xảy ra hiện tượng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm; vẫn còn những trường hợp khởi tố, bắt, giam giữ không đúng pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; vẫn còn những hiện tượng vi phạm pháp luật tố tụng hình sự của CQĐT, VKS. Một trong những nguyên nhân đó là tình trạng "cắt khúc" trong tố tụng hình sự, cơ chế gắn trách nhiệm công tố với hoạt động điều tra còn chưa được xác định một cách rõ ràng; nhiều quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) chưa hợp lý gây ra khó khăn, vướng mắc, bất cập cho VKS trong quá trình thực hiện chức năng công tố ở giai đoạn điều tra, chưa đảm bảo "thực quyền" công tố, hiệu lực các quyết định công tố của VKS trên thực tế.

Nhận thức của một số Kiểm sát viên (KSV) ngành Kiểm sát nhân dân về chức năng công tố, về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của VKS khi thực hành quyền công tố, về mối quan hệ giữa hai chức năng công tố và kiểm sát điều tra của VKS, về mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra của CQĐT còn chưa rõ ràng, đầy đủ nên gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đến việc cải cách tư pháp. Công cuộc cải cách tư pháp ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh, đồng bộ với cải cách lập pháp và hành pháp. Trong những văn kiện, nghị quyết quan trọng của Đảng về cải cách tư pháp có nhiều nội dung đề cập đến cải cách tổ chức và hoạt động của CQĐT, VKS. Một trong những chủ trương được Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

X và sau đó là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề cập đến là "*gắn công tố với hoạt động điều tra*".

Việc nghiên cứu chủ trương "gắn công tố với hoạt động điều tra" của Đảng sẽ góp phần thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng trong thực tiễn; nâng cao nhận thức của cán bộ, KSV ngành Kiểm sát nhân dân về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong quá trình thực hành quyền công tố; làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc gắn công tố với hoạt động điều tra; đồng thời đưa ra một số kiến nghị sửa đổi luật tố tụng hình sự nhằm đảm bảo thực hiện chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo hiệu lực, thực quyền của VKS trong giải quyết án hình sự.

Xuất phát từ những lý do trên, học viên quyết định chọn đề tài: "*Gắn công tố với hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" làm đề tài luận văn cao học của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề mối quan hệ giữa công tố và hoạt động điều tra đã được một số sách, báo, tạp chí, công trình nghiên cứu, đề cập như cuốn "*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*" do TS. Lê Hữu Thế chủ biên; Chuyên đề "*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*" do Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) thực hiện; GS.TSKH Lê Cẩm có bài "*Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố (nhìn nhận từ góc độ Nhà nước pháp quyền)*"; TS. Trần Văn Độ có bài "*Một số vấn đề về quyền công tố*"; TS. Trần Đình Nhã đề cập đến "*Chức năng công tố của Viện kiểm sát nhân dân, mối quan hệ giữa việc thực hiện quyền công tố với các hoạt động kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử*"... Ngoài ra, còn một số bài viết khác của các tác giả đăng tải trên Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Luật học, cũng đề cập một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đến mối quan hệ giữa công tố và điều tra.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, nghiên cứu sâu về chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra để nâng cao chất lượng điều tra, truy tố theo tinh thần Văn kiện Đại hội

Đảng toàn quốc lần thứ X. Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ của luận văn**

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa công và hoạt động điều tra; so sánh, đối chiếu với luật pháp một số quốc gia trên thế giới; nghiên cứu lịch sử mối quan hệ giữa công tố với điều tra từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong mối quan hệ giữa công tố và điều tra hiện nay và nguyên nhân của kết quả, hạn chế; tác giả đã đề ra một số giải pháp nhằm tăng cường việc gắn công tố với hoạt động điều tra, kiến nghị sửa đổi một số quy định của BLTTHS năm 2003, góp phần đảm bảo hoạt động điều tra, truy tố được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quyền công tố, thực hành quyền công tố, mối quan hệ giữa công tố và điều tra theo những chủ trương của Đảng và pháp luật của Việt Nam, có nghiên cứu một số nội dung theo pháp luật các quốc gia khác; thực trạng mối quan hệ giữa công tố và điều tra theo số liệu thống kê trong 5 năm (từ năm 2006 đến 2010).

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp.

Quá trình nghiên cứu đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, đánh giá, khảo sát thực tiễn... để phân tích và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Là cơ sở cho việc nghiên cứu, tìm hiểu một số nội dung về công tố và điều tra.

Là cơ sở cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về mối quan hệ giữa công tố và điều tra.

Là cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện một số quy định pháp luật liên quan đến chủ trương tăng cường gắn công tố với hoạt động điều tra để đảm bảo hiệu quả giải quyết các vụ án hình sự.

Là cơ sở để những người làm thực tiễn nghiên cứu, vận dụng vào quá trình tố tụng, tăng cường mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự.

### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề chung về công tố và hoạt động điều tra.

*Chương 2:* Thực trạng về mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra tại Việt Nam (số liệu 5 năm: từ năm 2006 đến năm 2010).

*Chương 3:* Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra.

## ***Chương 1***

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TỐ VÀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA**

#### **1.1. Khái niệm về điều tra và công tố**

##### ***1.1.1. Khái niệm về điều tra***

Trong khoa học pháp lý Việt Nam cũng tồn tại các quan điểm khác nhau về điều tra, theo Từ điển Luật học: "*Điều tra là công tác trong tố tụng hình sự được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ*". Theo cách hiểu phổ biến ở Việt Nam hiện nay, điều tra là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự, là hoạt động của CQĐT trong điều tra vụ án hình sự, là tổng hợp tất cả các hành vi thực hiện trong giai đoạn điều tra do CQĐT thực hiện.

Hoạt động điều tra là hoạt động tố tụng nhằm phát hiện, thu thập, củng cố, ghi nhận, thu giữ những thông tin của vụ án nhằm sử dụng làm chứng cứ chứng minh các tình tiết của vụ án.

*Hoạt động điều tra có những đặc điểm cơ bản sau:*

*Thứ nhất*, hoạt động điều tra được tiến hành công khai theo các trình tự, tù tục, thẩm quyền do pháp luật quy định.

*Thứ hai*, tùy theo đặc điểm của vụ án hình sự mà CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra cho phù hợp.

*Thứ ba*, phạm vi điều tra các tình tiết thực tế của vụ án rộng hơn phạm vi những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự do luật định.

*Thứ tư*, hoạt động điều tra vụ án hình sự có thể phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn, do đó thường tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

*Thứ năm*, trong tố tụng hình sự nước ta, hoạt động điều tra của CQĐT phải chịu sự chế ước và kiểm sát chặt chẽ của cơ quan VKS.

### **1.1.2. Khái niệm về công tố**

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về quyền công tố.

*Quan điểm thứ nhất* đồng nhất khái niệm quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND.

*Quan điểm thứ hai* cho rằng quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án, thực hiện sự buộc tội tại phiên tòa.

*Quan điểm thứ ba* cho rằng, quyền công tố là quyền nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng các chế tài hình sự đối với người phạm tội.

*Quan điểm thứ tư* cho rằng quyền công tố bao gồm quyền khởi tố, điều tra vụ án, quyền truy tố và buộc tội bị cáo trước Tòa án.

*Quan điểm thứ năm* cho rằng "Công tố quyền là quyền được hành xử nhân danh xã hội, vì lợi ích chung cho xã hội, với mục đích là Tòa án tuyên một hình phạt đối với người phạm pháp".

Chúng tôi cho rằng, quyền công tố chỉ xuất hiện trong hoạt động tố tụng hình sự. Một điểm lưu ý là trong tài liệu của nhiều nước, khi đề cập đến vai trò, vị trí của Công tố viên (KSV), các luật gia thường gọi họ là "*người buộc tội nhân danh nhà nước*". Và thuật ngữ "*buộc tội nhân danh nhà nước*" được dịch ngắn gọn sang tiếng Việt, theo đúng nghĩa của nó, là "Công tố".

Về thực tiễn, để đảm bảo việc truy tố và buộc tội đúng pháp luật, cơ quan Công tố phải đảm bảo cho hoạt động điều tra đúng pháp luật, ngoài việc kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra của CQĐT, cơ quan Công tố phải có những nhiệm vụ, quyền hạn có tính chất quyết định đến việc giải quyết vụ án hình sự đó là quyền công tố trong giai đoạn điều tra. Đây cũng là luận điểm được thể hiện trong luật thực định của Việt Nam hiện hành.

Từ những nội dung được trình bày trên, chúng tôi cho rằng: *Quyền công tố là quyền của Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội do một cơ quan nhân danh Nhà nước thực hiện (ở nước ta là VKS) để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội; cơ quan công tố có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội, trên cơ sở đó truy tố người phạm tội trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội tại phiên tòa.*

Cần phân biệt khái niệm quyền công tố và khái niệm thực hành quyền công tố. Quyền công tố là quyền năng mà pháp luật giao cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Thực hành quyền công tố là hoạt động của VKS khi thực hiện quyền công tố, là việc sử dụng tổng hợp các nhiệm vụ, quyền hạn pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Về chủ trương "công tố gắn với hoạt động điều tra" được hiểu là gắn việc thực hiện quyền công tố của VKS với các hoạt động điều tra của CQĐT.

## **1.2. Lược sử mối quan hệ giữa công tố và điều tra ở Việt Nam trước khi có Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003**

### **1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước năm 1960**

Việc điều tra vụ án hình sự do lực lượng Công an Tư pháp đảm nhiệm với thẩm quyền điều tra tất cả các vụ phạm pháp. Về tổ chức và hoạt động, Công an Tư pháp nằm dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của Viện Công tố.

Thời kỳ này về tổ chức và thẩm quyền tố tụng chưa có sự tách bạch giữa các chức năng tố tụng cơ bản là điều tra, truy tố và xét xử. Trong những năm đầu, việc điều tra do Tư pháp Công an gồm các thành viên của Tòa án (thuộc Bộ Tư pháp) và các thành viên là Công an (thuộc Bộ Nội vụ) tiến hành. Thẩm

quyền truy tố và xét xử tính đến ngày 29/4/1958 đều do Tòa án thực hiện. Đến những năm cuối của thập kỷ 50, chức năng truy tố, xét xử bắt đầu có sự tách bạch tương đối rõ ràng với việc cơ quan Công tố được tách thành một hệ thống độc lập và thực hiện chức năng truy tố tội phạm. Chức năng điều tra vụ án hình sự do cơ quan công tố và CQĐT của Bộ Công an thực hiện.

### **1.2.2. Giai đoạn từ năm 1960 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988**

VKS có nhiệm vụ kiểm sát việc điều tra của CQĐT, đồng thời cũng có nhiệm vụ khởi tố vụ án, khởi tố bị can và điều tra lập hồ sơ những vụ phạm pháp hình sự, truy tố trước Tòa án nhân dân những người phạm pháp về hình sự. Khi kiểm sát điều tra, VKS có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc ra quyết định khởi tố vụ án khi thấy quyết định khởi tố vụ án hoặc đình chỉ khởi tố vụ án của cơ quan Công an là không đúng; phê chuẩn các quyết định bắt, khám xét của cơ quan Công an, có mặt khi cơ quan Công an hỏi cung bị can, tự mình hỏi cung nếu thấy cần thiết; hoàn lại hồ sơ để cơ quan Công an điều tra bổ sung nếu thấy hồ sơ thiếu những chứng cứ chủ yếu.

### **1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003**

VKS có vai trò rất quan trọng trong hoạt động điều tra vụ án, giám sát các hoạt động điều tra, đảm bảo cho các hoạt động điều tra được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật; có quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định của CQĐT; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; yêu cầu CQĐT truy nã bị can; đề ra yêu cầu điều tra, trả lại hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung; yêu cầu CQĐT cung cấp tài liệu cần thiết về tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật của ĐTV nếu có; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra.

## **1.3. Mối quan hệ giữa công tố và hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật một số nước trên thế giới**

### **1.3.1. Một số nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa**

#### **1.3.1.1. Cộng hòa Liên bang Đức**

Ở Cộng hòa Liên bang Đức, cơ quan Cảnh sát điều tra và cơ quan Công tố là hai cơ quan được tiến hành điều tra vụ án hình sự. Toàn bộ

hoạt động điều tra từ khi bắt đầu đến khi kết thúc đều thuộc trách nhiệm của Viện Công tố. Vai trò của Công tố viên trong quá trình tố tụng hình sự là có quyền can thiệp vào tất cả các vụ việc phạm tội có thể bị truy tố hình sự mà việc thu thập đầy đủ chứng cứ là nhiệm vụ của Công tố viên. Công tố viên chỉ đạo công tác điều tra, được quyền tùy nghi truy tố.

Với tư cách là người chỉ huy quá trình điều tra, Công tố viên quyết định khởi tố và kết thúc việc tiến hành tố tụng. Công tố viên có trách nhiệm thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, và bảo đảm các chứng cứ đó đầy đủ, rõ ràng, được thu thập theo đúng trình tự mà pháp luật quy định. Trong quá trình điều tra, nếu cảnh sát muốn thực hiện một biện pháp cưỡng chế thì phải được sự phê chuẩn hay làm theo quyết định của Công tố viên.

#### **1.3.1.2. Cộng hòa Pháp**

Viện công tố là cơ quan được giao trách nhiệm nắm, quản lý mọi thông tin về tội phạm trên lãnh thổ Cộng hòa Pháp và quyết định việc xử lý các tố giác, tin báo về tội phạm. Trong giai đoạn điều tra, Viện công tố có vai trò và trách nhiệm rất quan trọng, chỉ đạo việc điều tra vụ án và quyết định hầu hết các biện pháp tố tụng quan trọng trong giai đoạn này. Mọi hoạt động điều tra vụ án của CQĐT phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Viện công tố để quyết định hướng xử lý tiếp theo. ĐTV chỉ tham gia điều tra vụ án khi được Viện trưởng Viện công tố cấp phép điều tra.

### **1.3.2. Một số nước theo hệ thống pháp luật Anglo - Xứcông**

#### **1.3.2.1. Hoa Kỳ**

Ở cấp bang, các Công tố viên tiến hành truy tố các tội phạm xâm phạm pháp luật của bang. Công tố viên không giám sát điều tra mà thường nhận vai trò chỉ dẫn việc tìm kiếm bằng chứng đối với cảnh sát để hướng dẫn thủ tục bắt giam và đảm bảo việc thu thập các chứng cứ theo đúng thủ tục.

Ở cấp liên bang, việc truy tố tội phạm liên bang do Chương lý liên bang truy tố. Theo pháp luật liên bang, CQĐT là cơ quan duy nhất có trách nhiệm điều tra. Mặc dù vậy, ĐTV vẫn phải thường xuyên trao đổi với Văn phòng công tố liên bang tại quận nơi xảy ra tội phạm. Sau khi các thông tin về chứng cứ đã được ĐTV thu thập, họ sẽ trình lên cho Bộ

Tư pháp hoặc Chương lý liên bang. Sau đó Công tố viên liên bang sẽ quyết định có truy tố vụ việc ra tòa hay không.

Nói chung, vị trí của Công tố viên Hoa Kỳ được coi là một trong những người quan trọng và quyền lực nhất trong hệ thống tư pháp hình sự Mỹ, bởi vì Công tố viên có thực quyền để định đoạt việc liệu có hồ sơ để buộc tội chính thức hay không, có thể từ chối phê chuẩn lệnh bắt giam của cảnh sát; có thể hủy bỏ hoặc đình chỉ vụ việc khi xét thấy việc điều tra của cảnh sát không đúng thủ tục hoặc chứng cứ yếu.

#### 1.3.2.2. *Vương quốc Anh*

Các luật sư công tố tại các đồn cảnh sát chỉ làm chức năng tư vấn, họ không có quyền chỉ đạo việc điều tra của cảnh sát và cũng không có quyền chỉ thị cho cảnh sát về việc thu thập chứng cứ. Nhưng theo luật định, họ có thể chỉ dẫn cho cảnh sát các vấn đề pháp lý trong điều tra. Trường hợp cảnh sát quyết định buộc tội, họ phải chuyển toàn bộ hồ sơ cho Công tố viên để quyết định có truy tố hay không.

#### 1.3.3. *Một số nước châu Á*

##### 1.3.3.1. *Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*

Trong giai đoạn điều tra, VKSND nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có thẩm quyền thực hành quyền công tố đối với các vụ án phản quốc, các vụ án liên quan đến việc chia cắt đất nước và các vụ án hình sự khác cản trở nghiêm trọng việc thi hành thống nhất chính sách và pháp luật của Nhà nước cũng như trật tự quản lý hành chính; tiến hành điều tra các vụ án hình sự do mình trực tiếp giải quyết; thẩm tra lại các vụ án do cơ quan an ninh công cộng điều tra và quyết định việc bắt giữ, truy tố hoặc miễn tố; khởi tố vụ án hình sự, hỗ trợ việc truy tố và thực hành giám sát các hoạt động tư pháp của Tòa án để bảo đảm việc tuân thủ pháp luật.

##### 1.3.3.2. *Nhật Bản*

Tất cả các vụ án phải được cảnh sát và các CQĐT khác gửi cho Viện công tố và Công tố viên xem xét, điều tra, kết luận điều tra và ra quyết định truy tố. Trong một số trường hợp, Công tố viên sẽ điều tra lại từ đầu. Ngoài ra, Công tố viên còn được giao thẩm quyền điều tra mọi tội phạm và kẻ phạm tội mà mình khởi tố từ đầu. Đối với những vụ bắt giữ, ĐTV sẽ gửi bị

can cho Công tố viên trong vòng 48 giờ và Công tố viên sẽ quyết định phóng thích hoặc đề nghị Thẩm phán tiếp tục ra lệnh tạm giữ. Công tố viên cũng có thể truy tố những kẻ bị bắt giữ trong vòng 24 giờ. Để tiến hành truy tố, Công tố viên phải có cơ sở tin tưởng là vụ án có thể được chứng minh một cách hợp lý tại Tòa án. Khi không tin tưởng vào khả năng này thì Công tố viên sẽ không truy tố và đình chỉ vụ án vì không đủ bằng chứng.

## *Chương 2*

### **THỰC TRẠNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TỐ VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY (SỐ LIỆU 5 NĂM: TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010)**

#### **2.1. Mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra theo quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành**

*Thứ nhất*, trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố của các cơ quan nhà nước.

VKS có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của CQĐT đối với tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, bảo đảm các tin báo, tố giác về tội phạm và các kiến nghị khởi tố phải được xác minh, xử lý xem có khởi tố vụ án hình sự hay không.

*Thứ hai*, trong việc quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Theo quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2003, VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố vụ án hình sự, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp.

*Thứ ba*, trong việc quyết định khởi tố bị can.

BLTTHS năm 2003 quy định rõ ràng, chặt chẽ thẩm quyền và trách nhiệm của VKS trong việc quyết định việc khởi tố bị can, cụ thể như sau:

(i) VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT, của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển.



(ii) VKS phê chuẩn quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc hủy quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT.

(iii) VKS yêu cầu hoặc trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.

*Thứ tư*, yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV, khởi tố về hình sự đối với ĐTV có dấu hiệu phạm tội.

*Thứ năm*, VKS đề ra yêu cầu điều tra hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp cần thiết.

*Thứ sáu*, trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Việc bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, tạm giam bị can, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm phải được VKS xem xét, phê chuẩn đối với từng trường hợp và từng đối tượng cụ thể.

Đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác: Viện kiểm sát có quyền ra lệnh cấm bị can, bị cáo đi khỏi nơi cư trú (Điều 91), quyết định bị can được bảo lãnh (Điều 92) và quyết định cho bị can được đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm (Điều 93). Đồng thời, VKS có thẩm quyền phê chuẩn quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm của CQĐT (Điều 93).

*Thứ bảy*, trong việc quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra và truy nã bị can.

Đánh giá chung: Trong mối quan hệ giữa công tố và hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra, hoạt động công tố của VKS có vai trò chủ đạo và quyết định.

## **2.2. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự và nguyên nhân của những kết quả đạt được**

### **2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

Trong những năm qua, VKS đã tăng cường phối hợp với CQĐT trong việc phát hiện, khởi tố, điều tra để xử lý nghiêm minh các loại tội

phạm nguy hiểm, giải quyết được nhiều vụ án lớn, trọng điểm về an ninh quốc gia, kinh tế, chức vụ, tham nhũng, ma túy, trật tự an toàn xã hội.

VKSND các cấp tích cực triển khai các biện pháp quản lý và kiểm sát chặt chẽ hoạt động tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm.

Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can của CQĐT nhìn chung được đảm bảo chặt chẽ. Các VKS đã cố gắng kiểm sát điều tra từ đầu, nhất là đối với các vụ án trọng điểm, phức tạp, do đó việc khởi tố, điều tra, truy tố nhìn chung bảo đảm chất lượng, bảo đảm thời hạn tố tụng cũng như các thủ tục, thẩm quyền do pháp luật quy định

Tỷ lệ người bị bắt tạm giữ sau đó chuyển khởi tố hình sự đạt tỉ lệ cao hơn so với những năm trước đó (năm 2006: 95,3%, năm 2007: 96%, năm 2008: 95,3%, năm 2010: 96,3%).

VKS các cấp đã tăng cường trách nhiệm công tố cũng như kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của CQĐT. Việc phê chuẩn, không phê chuẩn các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam được VKS các cấp chú trọng.

Do phối hợp chặt chẽ với CQĐT, làm tốt trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra ngay từ giai đoạn khởi tố nên đã từng bước khắc phục tình trạng hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế. Số bị can do CQĐT và VKS phải đình chỉ do không phạm tội giảm so với trước, chẳng hạn năm 2008 phải đình chỉ 219 bị can thì năm 2009 đình chỉ 104 bị can, năm 2010 chỉ còn 85 bị can.

Số lượng bị can đưa ra truy tố bị Tòa án tuyên không phạm tội ngày càng giảm (năm 2007: 53 bị cáo, năm 2008: 47 bị cáo, năm 2009: 29 bị cáo, năm 2010: 20 bị cáo).

Tỷ lệ án phải trả điều tra bổ sung giảm dần qua từng năm, chẳng hạn năm 2007 tỉ lệ án Tòa án, VKS phải trả hồ sơ điều tra bổ sung là 9,15%, năm 2008 là 7,08%, năm 2009 là 5,7%, năm 2010 là 4,7%.

### **2.2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

*Thứ nhất*, Đảng và Nhà nước ngày càng quan tâm đến công tác tư pháp, công cuộc cải cách tư pháp ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh, đồng bộ với cải cách lập pháp và hành pháp.

*Thứ hai*, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong Ngành về chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra được tăng cường và thực hiện kịp thời.

*Thứ ba*, vị trí, vai trò, quyền hạn của VKS trong hoạt động điều tra ngày càng được củng cố và phát triển, ghi nhận rõ hơn trong các văn bản pháp luật, nhất là BLTTHS, Luật Tổ chức VKSND. Sự phát triển đó đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho VKS thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

*Thứ tư*, VKS các cấp đã có nhận thức khá đầy đủ vai trò, vị trí của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, bám sát yêu cầu nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước trong mỗi thời kỳ. Nhờ đó đã có kế hoạch bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

*Thứ năm*, VKSNDTC đã tích cực phối hợp với các ngành tư pháp trung ương xây dựng các văn bản hướng dẫn liên ngành. Hàng năm Lãnh đạo VKSNDTC chú trọng công tác tập huấn nghiệp vụ cho VKS các cấp.

*Thứ sáu*, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với cán bộ, KSV được quan tâm hơn.

*Thứ bảy*, VKSND các cấp đã xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với CQĐT trong đấu tranh phòng chống tội phạm, giải quyết án hình sự trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành.

**2.3. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

**2.3.1. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

*Thứ nhất*, hoạt động giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của CQĐT cũng như việc nắm, quản lý, kiểm sát tố giác, tin báo tội phạm của VKS có lúc, có nơi còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ hai*, trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố ở một số nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn để xảy ra những trường hợp khởi tố oan, sai khi chưa đầy đủ dấu hiệu của tội phạm, gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Đường lối xử lý một số vụ án còn chưa nhất quán, chưa đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ ba*, trách nhiệm công tố trong việc phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn ở nhiều địa phương còn chưa cao. Vẫn để xảy ra tình trạng nể nang "xuôi chiều", không kiên quyết trong việc từ chối phê chuẩn các trường hợp bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, tạm giam, gia hạn tạm giam không đủ căn cứ; phê chuẩn cả những trường hợp không đúng quy định của BLTTHS

*Thứ tư*, tình trạng trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung tuy đã từng bước hạn chế nhưng chuyển biến còn chậm.

*Thứ năm*, tỷ lệ số vụ án được VKS các cấp thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra từ đầu còn thấp.

### **2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

#### **2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan**

*Thứ nhất*, tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. *Thứ hai*, do quy định của pháp luật dẫn đến VKS chưa thực quyền trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. *Thứ ba*, tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý việc đấu tranh chống tội phạm của Nhà nước còn thiếu đồng bộ. Năng lực điều tra của một số ĐTV còn yếu. *Thứ tư*, hoạt động giám định tư pháp cũng như hệ thống cơ quan giám định tư pháp để phục vụ cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử còn nhiều hạn chế, bất cập. *Thứ năm*, hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, có những quy định của pháp luật chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Việc hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật Hình sự, BLTTHS được thực hiện chậm. *Thứ sáu*, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí nghiệp vụ chưa thỏa đáng, nhìn chung là yếu và thiếu làm ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả, kịp thời của hoạt động điều tra và hoạt động công tố.

### 2.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

*Thứ nhất*, mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành ở một số nơi còn chưa tốt, làm giảm hiệu lực, hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

*Thứ hai*, việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo một số VKS còn bất cập, chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu do thực tiễn đặt ra. Cơ cấu bộ máy, năng lực cán bộ, kiểm sát viên ở VKS các cấp còn chậm đổi mới. Cơ chế quản lý điều hành việc giải quyết án hình sự luôn có sự biến động.

*Thứ ba*, công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS.

*Thứ tư*, không ít KSV chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn vị trí, vai trò, thẩm quyền của VKS trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra.

*Thứ năm*, trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, còn có những KSV chưa thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao.

*Thứ sáu*, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một số KSV chưa đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ bảy*, một số KSV thiếu bản lĩnh, bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc làm tha hóa, biến chất, tiếp tay cho tội phạm, che giấu tội phạm hoặc tham ô, nhận hối lộ.

## Chương 3

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN CƠ CHẾ CÔNG TỐ GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

#### 3.1. Quán triệt các quan điểm của Đảng về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra

Chủ trương "Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra" là chủ trương lớn, là nhiệm vụ

trọng tâm ngành Kiểm sát cần tập trung triển khai thực hiện trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

#### 3.2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, Kiểm sát viên về chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra, về trách nhiệm công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra

Một thực trạng hiện nay là có không ít cán bộ, KSV chưa phân định được nhiệm vụ thực hành quyền công tố với nhiệm vụ kiểm sát điều tra, mối quan hệ giữa các nhiệm vụ này trong quá trình giải quyết án hình sự ở giai đoạn điều tra. Nhiều KSV ít nghiên cứu, cập nhật chủ trương mới của Đảng, sự chỉ đạo chung của Lãnh đạo VKSNDTC, thường làm theo kinh nghiệm. Vì vậy, lãnh đạo VKS nhân dân các cấp cần quán triệt thường xuyên chủ trương "Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra" tới từng kiểm sát viên, kiểm tra viên, cán bộ làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong cơ quan, đơn vị mình để thay đổi cơ bản trong nhận thức của cán bộ, kiểm sát viên về chủ trương này của Đảng.

#### 3.3. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp trong việc thực hiện chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra

Để phát huy nguồn nhân lực, lãnh đạo VKS các cấp cần bố trí cán bộ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra hợp lý. Việc phân công cán bộ phải tùy thuộc vào năng lực, trình độ của từng cán bộ đối với từng vụ án cụ thể. Tránh tình trạng phân công cán bộ không đủ năng lực giải quyết những vụ án khó, phức tạp, nhạy cảm.

Trong công tác đánh giá KSV phải đánh giá một cách toàn diện tính chất phức tạp, khó khăn của vụ việc, khách quan, vô tư, có phương pháp khoa học, toàn diện. Việc bổ nhiệm KSV theo tiêu chuẩn được quy định trong Pháp lệnh KSV và nên căn cứ vào hai tiêu chí chủ yếu, quan trọng là trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn thông qua hình thức thi tuyển có nội dung sát với yêu cầu nhiệm vụ.

VKS các cấp cần định kỳ tổ chức thi tuyển chọn KSV giỏi trong toàn Ngành. Công tác tổ chức thi tuyển phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, đánh giá chính xác, đầy đủ năng lực thực sự của các KSV.

Lãnh đạo các đơn vị thuộc VKSNDTC, Viện kiểm địa phương cần thường xuyên tổng hợp nhu cầu cán bộ, KSV làm công tác này ở đơn vị mình để báo cáo VKSNDTC.

Tăng cường cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn cao, phù hợp cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp, vai trò chỉ đạo của Viện trưởng VKS cấp trên đối với Viện trưởng VKS cấp dưới. Đồng thời xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của KSV trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS.

#### **3.4. Nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên**

Để nâng cao chất lượng cán bộ đòi hỏi trước hết người cán bộ, KSV phải tự rèn luyện ý thức chính trị. Việc rèn luyện ý thức chính trị luôn phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ kiểm sát theo tinh thần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*".

Nâng cao trình độ pháp lý và nghiệp vụ cho KSV thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tiến hành hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra.

Các cán bộ kiểm sát cần nắm vững, đầy đủ các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội để phục vụ cho việc thực hiện chức năng của Ngành.

#### **3.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các đơn vị làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố; đổi mới cơ chế tiền lương, chính sách đối với cán bộ, Kiểm sát viên**

Việc tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và điều kiện hỗ trợ cho hoạt động công tố là điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Ngành Kiểm sát cần nghiên cứu thành lập đơn vị chuyên trách về kỹ thuật và trang thiết bị, xây dựng trung tâm điện tử lưu trữ các thông tin về tội phạm, thông tin thống kê nghiệp vụ, hệ thống hóa các quy định của pháp luật, các chuyên đề nghiệp vụ, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

Cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, KSV ngành Kiểm sát.

#### **3.6. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; tăng cường quan hệ phối hợp giữa các đơn vị thực hành quyền công tố với các đơn vị thực hiện các khâu công tác khác trong Ngành**

VKS cần phối hợp chặt chẽ với CQĐT ngay từ đầu khi có tố giác, tin báo tội phạm, khi có việc bắt giữ, khởi tố và trong suốt quá trình điều tra. Trong quan hệ phối hợp giữa VKS với CQĐT cần phải đảm bảo nguyên tắc việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật. Cần chú ý khắc phục hai thái cực, hoặc là quá nhấn mạnh quan hệ phối hợp mà hạn chế tính độc lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên hoặc là không chú trọng quan hệ phối hợp dẫn đến tình trạng "quyền anh, quyền tôi", máy móc, cứng nhắc gây khó khăn cho quá trình điều tra của CQĐT.

Xây dựng mối quan hệ phối hợp tốt trong nội bộ ngành Kiểm sát để phát huy được sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

#### **3.7. Nâng cao chất lượng hoạt động tương trợ tư pháp hình sự; tăng cường quan hệ với các nước có nền công tố mạnh để trao đổi, nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm thực hành quyền công tố**

Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị trong Ngành và giữa VKSND với các cơ quan, đơn vị hữu quan trong việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp và xây dựng, hướng dẫn thực hiện pháp luật tương trợ tư pháp.

VKS cần tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và phòng, chống tội phạm với VKS, Viện Công tố các nước.

### **3.8. Những giải pháp cụ thể trong hoạt động nghiệp vụ**

*Thứ nhất*, trong hoạt động nắm, quản lý, kiểm sát tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố.

*Thứ hai*, nâng cao trách nhiệm công tố của VKS trong hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

*Thứ ba*, VKS các cấp cần nâng cao trách nhiệm, đề ra các biện pháp cụ thể để thực hiện tốt việc xét phê chuẩn các quyết định của CQĐT và ban hành các quyết định theo thẩm quyền của mình được quy định tại Điều 112 BLTTHS.

*Thứ tư*, từng KSV phải tăng cường trách nhiệm trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, chủ động đề ra các yêu cầu điều tra có ý nghĩa thiết thực. Sau khi đề ra yêu cầu điều tra, KSV phải nắm chắc tiến độ điều tra, thường xuyên đôn đốc việc điều tra.

*Thứ năm*, tăng cường trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, đảm bảo việc phê chuẩn và ra các quyết định đúng đắn, khắc phục tình trạng lậm dậm phô tô, không trích cứu hồ sơ.

*Thứ sáu*, VKS các cấp cần quản lý, theo dõi chặt chẽ các vụ án đình chỉ điều tra, án tạm đình chỉ điều tra. VKS cần định kỳ rà soát, chủ động, tích cực đôn đốc CQĐT làm rõ đối tượng phạm tội, truy bắt bị can để phục hồi điều tra.

**3.9. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 để cụ thể hóa chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra**

**3.9.1. Tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm**

*Thứ nhất*, để đảm bảo việc chống bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội (một trong những chức năng chủ yếu của công tố) cần sửa đổi việc tiếp nhận, xử lý tố giác tội phạm theo hai hướng: Hướng thứ nhất, mạnh dạn quy định VKS là cơ quan đầu mối quản lý mọi tố giác, tin báo tội phạm trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hướng thứ hai, quy định VKS có quyền kiểm sát hoạt động tiếp nhận, phân loại xử lý tố giác, tin báo tội phạm của tất cả các cơ quan tiếp nhận tố giác, tin

báo tội phạm. Quy định cụ thể về trách nhiệm của CQĐT, các cơ quan khác trong việc thông báo đầy đủ các tố giác, tin báo tội phạm mà các cơ quan này tiếp nhận, giải quyết cho VKS.

*Thứ hai*, có quy định VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, xác minh tố giác tin báo tội phạm trong trường hợp cần.

**3.9.2. Tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc khởi tố vụ án**

Cần sửa đổi, bổ sung Điều 104 theo hướng VKS phải là cơ quan chủ động, quyết định cuối cùng về việc khởi tố vụ án. VKS có thẩm quyền xem xét, chấp nhận quyết định khởi tố vụ án của cơ quan có thẩm quyền; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án; hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án không có căn cứ; tự mình quyết định việc khởi tố vụ án trong mọi trường hợp nếu xác định được có dấu hiệu của tội phạm để chuyển cho CQĐT tiến hành điều tra.

**3.9.3. Tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc khởi tố bị can**

Để khắc phục những hạn chế trong các quy định của BLTTHS hiện hành về việc khởi tố bị can, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 126 BLTTHS theo hai phương án: *Một là*, VKS là cơ quan duy nhất có thẩm quyền khởi tố bị can. *Hai là*, nếu vẫn quy định CQĐT có quyền khởi tố bị can và VKS thực hiện việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can thì cần quy định rõ CQĐT chỉ được thực hiện việc hỏi cung bị can khi có quyết định phê chuẩn của VKS.

Quy định bổ sung vào cuối đoạn đầu Khoản 5 Điều 126 BLTTHS như sau: "Trong trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can *hoặc trực tiếp quyết định khởi tố bị can*".

Sửa đổi quy định tại Điều 127 BLTTHS trong trường hợp vụ án đã kết thúc điều tra, hồ sơ có đầy đủ chứng cứ tài liệu để thay đổi quyết định khởi tố bị can thì VKS ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can và truy tố mà không nhất thiết phải chuyển lại hồ sơ cho CQĐT.

**3.9.4. Một số kiến nghị khác**

*Thứ nhất*, BLTTHS năm 2003 cần có những quy định đề cao trách nhiệm công tố của KSV trong quá trình điều tra để nâng cao tính độc lập

của KSV, để KSV muốn thực hiện tốt trách nhiệm của mình thì phải tăng cường việc gắn hoạt động công tố với hoạt động điều tra của CQĐT, của ĐTV. BLTTHS cần phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với thẩm quyền tố tụng của Lãnh đạo VKS.

*Thứ hai*, trong BLTTHS cần có cơ chế nâng cao trách nhiệm của ĐTV trong việc thực hiện các yêu cầu của VKS. Cần quy định các biện pháp xử lý đối trong trường hợp ĐTV không thực hiện các yêu cầu điều tra xác đáng của VKS. Cần bổ sung quy định KSV có quyền đánh giá hoạt động điều tra của ĐTV.

*Thứ ba*, để đảm bảo thực sự gắn công tố với hoạt động điều tra, khắc phục triệt để tình trạng "cắt khúc" trong tố tụng hình sự, về lâu dài cần tách CQĐT thành một hệ thống riêng độc lập với Cơ quan công an hiện nay, tương thích với hệ thống cơ quan kiểm sát. Có những quy định đảm bảo VKS chỉ đạo quá trình điều tra; mọi mệnh lệnh của VKS có giá trị bắt buộc đối với CQĐT; khi tiến hành điều tra, ĐTV phải do KSV trực tiếp điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động điều tra.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến cải cách tư pháp, công cuộc cải cách tư pháp ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh. Trong giai đoạn điều tra, để nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo hoạt động điều tra, truy tố đúng pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và sau đó là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định chủ trương *Thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra*".

Quá trình thực hiện đề tài: "***Gắn công tố với hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn***", Luận văn đã phân tích một số vấn đề lý luận về công tố và điều tra, nghiên cứu lịch sử mối quan hệ

giữa công tố với hoạt động điều tra ở Việt Nam, mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra theo pháp luật một số quốc gia trên thế giới. Qua đó rút ra những kết luận về công tố và điều tra, làm cơ sở nền tảng để phân tích thực trạng mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra trong thực tiễn, đồng thời xác định một số nội dung đưa vào phần giải pháp, kiến nghị.

Luận văn đã phân tích mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra theo pháp luật Việt Nam hiện hành, đánh giá thực tiễn mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2010. Thực tiễn cho thấy, mối quan hệ giữa công tố với hoạt động điều tra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết án hình sự của CQĐT và VKS đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, chất lượng điều tra, truy tố tội phạm đã có những chuyển biến rõ rệt và tích cực. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn, vướng mắc; vẫn để xảy ra hiện tượng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm; những trường hợp khởi tố, bắt, giam, giữ không đúng pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; những hiện tượng vi phạm pháp luật tố tụng hình sự của CQĐT, VKS. Luận văn đã đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân kết quả đạt được và nguyên nhân hạn chế, khó khăn, vướng mắc để làm cơ sở đưa ra những giải pháp, kiến nghị.

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng, luận văn đã đưa ra hệ thống giải pháp tương đối đồng bộ để nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra như: quán triệt quan điểm của Đảng về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra; nâng cao nhận thức của cán bộ, KSV; đổi mới công tác tổ chức cán bộ, công tác chỉ đạo, điều hành; tăng cường mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa VKS với CQĐT... Luận văn cũng chú trọng đưa ra những giải pháp cụ thể trong hoạt động nghiệp vụ đối với các cấp kiểm sát, những giải pháp này có ý nghĩa ứng dụng thực tiễn cao; đồng thời, đưa ra một số kiến nghị trong việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS nhằm thực hiện chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra của Đảng.